

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **798/2018/HNGĐ_ST**
Ngày: 05/9/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp
2. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1441/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị X**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 1125A1, tổ 17, ấp Hương Phước, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Y**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 1125A1, tổ 17, ấp Hương Phước, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(bà X, ông Y có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Hoàng Thị X trình bày:

Năm 2002, bà và ông Y tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã Diên Thái, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 19/02/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu. Tuy nhiên, từ năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Y thường xuyên ghen tuông, hay chửi bới và xúc phạm bà cùng gia đình bà. Nhiều lần bà đã tìm phương

án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Bà đã sống ly thân với ông Y từ tháng 06/2016 cho đến nay. Do tình cảm không còn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002 và Trần Nhất Phú, sinh ngày 25/5/2012. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và tại phiên Tòa bị đơn ông Trần Văn Y trình bày:

Ông kết hôn với bà Hoàng Thị X năm 2002, có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, ông chăm lo làm ăn để lo cho gia đình và tạo điều kiện rất nhiều cho vợ ông làm việc ở công ty. Các khoản tiền lương ông đều giao cho bà X giữ. Đến năm 2016, bà X đòi đi xuất khẩu lao động dù không muốn nhưng ông cũng chịu ý bà X để bà học tiếng Nhật. Do thời gian đó bà X không đi làm nên việc chi tiêu trong gia đình toàn bộ do ông lo liệu. Ông còn đề nghị thế chấp tài sản để vay Ngân hàng để có tiền cho bà X sang Nhật Bản. Ngày 10/6/2017, bà X sang Nhật Bản làm việc, ông ở nhà vừa đi làm vừa chăm sóc con, đóng tiền lãi Ngân hàng. Đến ngày 09/6/2018, khi về Việt Nam bà đã lập tức làm đơn ly hôn với ông.

Nay với yêu cầu ly hôn của bà X thì ông không đồng ý, vì các con ông cần mẹ chăm sóc, bà X có mối quan hệ bất chính bên ngoài, muốn kết hôn giả để xuất cảnh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002 và Trần Nhất Phú, sinh ngày 25/5/2012.

Đối với vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung do không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết và không nêu ý kiến.

Tòa án đã tiến hành lấy lời ý kiến của cháu Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002, cháu Phúc có nguyện vọng được ông Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002 cho ông Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao Trần Nhất Phú, sinh ngày 25/5/2012 cho bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án

- Ông Y, bà X có hộ khẩu thường trú tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Y và bà Hoàng Thị X tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Diên Thái, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 02 ngày 19/02/2002, đối chiếu các điều 9, điều 11 và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà X xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bắt nguồn từ việc ông Y ghen tuông, xúc phạm bà và gia đình bà. Tại phiên Tòa bà X xác định mâu thuẫn đã có từ trước đó cũng là lý do để bà đi xuất khẩu lao động. Sau thời gian không chung sống với nhau bà xác định không còn tình cảm với ông Y nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông Y không đồng ý với yêu cầu ly hôn với lý do ông chăm lo cho gia đình khi bà X đi nước ngoài, nay ông không rõ lý do bà X yêu cầu ly hôn với ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông có ý kiến cho rằng bà X muốn ly hôn với ông để kết hôn giả để xuất cảnh sang nước ngoài, các con ông cần sự chăm sóc của mẹ. Xét thấy, theo lời khai của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa cho thấy, bà X cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Y; giữa hai người không thể hàn gắn đoàn tụ. Ông Y đưa ra ý kiến bà X thay đổi vì có mối quan hệ bất chính với người khác, tìm cuộc sống mới, bà X phủ nhận lời khai này của ông Y. Từ đó cho thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng ông bà X không còn tin tưởng nhau, không tìm được phương án hòa giải, yêu cầu ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: ông bà X 02 con chung là Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002 và Trần Nhất Phú, sinh ngày 25/5/2012. Bà X có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngoài ý kiến không đồng ý ly hôn thì ông Y không còn ý kiến gì khác. Xét thấy, con chung là của cả hai vợ chồng, cả hai cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Cháu Phúc đã lớn và có nguyện vọng được ông Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002 cho ông Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu

Trần Nhất Phú, sinh ngày 25/5/2012 cho bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nguyện vọng của cháu Phúc, đảm bảo sự chăm sóc tốt nhất về điều kiện vật chất cho trẻ, phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Y không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về các vấn đề này. Do đó, giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Hoàng Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị X đối với bị đơn ông Trần Văn Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1979 ly hôn với ông Trần Văn Y, sinh năm 1976.

Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Phúc, sinh ngày 12/12/2002 cho ông Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trần Nhất Phú, sinh ngày 25/5/2012 cho bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Y, bà X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng theo quy định.

Về án phí: Bà Hoàng Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007758 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND X. Diên Thái
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Minh Nhựt